

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN Đ
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2019

V/v không công nhận là vợ chồng
và giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ TỈNH KIÊN G

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Đỗ Thị Thu H**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Sơn Thuận, xã Mỹ T, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Đinh Minh K**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Sơn Thuận, xã Mỹ T, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày: Qua quá trình tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận, vào năm 1993 bà và ông Đinh Minh K tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc và có hai con chung là cháu Đinh Tiến Đạt, sinh ngày 15/10/1995 và cháu Đinh Đỗ Đĩnh, sinh ngày 10/12/2003. Tuy nhiên từ năm 2016, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tin tưởng và thương yêu lẫn nhau, ông K đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng, nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông K.

Về con, bà H yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu Đĩnh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Minh K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Minh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b, mục 3, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về Thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà H và ông K không được pháp luật công nhận. Kể từ năm 2016 đến nay, bà H và ông K không còn chung sống với nhau, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tình yêu thương và chăm sóc lẫn nhau, nay bà H yêu cầu ly hôn với ông K nên căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà H và ông K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông K có 02 con chung là cháu Đinh Tiến Đạt, sinh ngày 15/10/1995 đã trưởng thành và đi làm, còn cháu Đinh Đỗ Đình, sinh ngày 10/12/2003, hiện nay đang chung sống với mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ, nên căn cứ theo quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Đinh cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H lao động có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi cháu Đinh Đỗ Đình đến khi thành niên nên bà không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi cháu Đình.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác nhận quá trình chung sống như vợ chồng, ông bà có tạo lập được căn nhà diện tích ngang 4,5m x dài 11m được xây dựng

trên đất cha mẹ chồng cho, tọa lạc tại Tổ 5, ấp Sơn Thuận, xã Mỹ T, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G, bà không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H xác nhận quá trình chung sống bà và ông K không có nợ chung và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào các điều 14, 15, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm b, mục 3, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về Thi Hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đỗ Thị Thu H và ông Đinh Minh K là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đinh Đỗ Đĩnh, sinh ngày 10/12/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đĩnh tHnh niên (đủ 18 tuổi). Ông K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà H cùng các tHnh viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009285 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đinh Minh K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi Hình án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình

Phạm Hồng Gái

Nguyễn Thị Tuyết Mai